TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 06 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 79/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc : "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ng, Sinh năm 1975; Số CCCD: 03817500xxxx;

Địa chỉ: Thôn C , xã Th T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm: 1972; Số CCCD:03807204xxxx;

Địa chỉ: Thôn C , xã Th T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ điều 212 và điều 213 của bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; điều 59; điều 62; điều 81; điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 BLTTDS; Điều 6; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhân sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Ng và Ông Nguyễn Xuân L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ng và Ông Nguyễn Xuân L thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị Ng và Ông Nguyễn Xuân L thỏa thuận vợ chồng có 03 con chung chung là cháu Nguyễn Thị Q sinh ngày 17/02/1999, cháu Nguyễn Thị Liên Chi - sinh ngày 17/01/2005 và cháu Nguyễn Xuân H - Sinh ngày 07/8/2013. Ly hôn bà Nga, ông L thống nhất cháu Nguyễn Thị Q và cháu Nguyễn Thị Liên Chi đã trưởng thành các cháu ở với ai tuy các cháu. Đối với cháu Nguyễn Xuân H, bà Nga và ông L thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Xuân H cho bà Nga trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Xuân L cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nga mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 2 năm 2026 cho đến khi cháu Nguyễn Xuân H đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Xuân L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Bà Lê Thị Ng và Ông Nguyễn Xuân L thống nhất thỏa thuận vợ chồng có tài sản chung là 01 Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 1, diện tích 350m^2, trên thửa đất có 01 căn nhà cấp 4 lợp ngói tường xây gạch không nung và 01 nhà bếp, công trình phụ lợp tôn. Các bên thống nhất thỏa thuận căn nhà cấp 4 và 01 nhà bếp, công trình phụ lợp tôn đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Xuân L thống nhất thửa đất của vợ chồng có tổng giá trị như Công ty thẩm định giá đã định giá là 1.706.750.000đ (Một tỷ bảy trăm linh sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó đất ở trị giá 8.500.000đ/m^2, đất vườn trị giá là 45.000đ/m^2.

Bà Nga, ông L thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng như sau :

Bà Lê Thị Ng được quyền sử dụng 200m^2 đất trong đó gồm 100m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn, phần đất của bà Nga có tứ cạnh như sau: phía Đông Nam giáp đường giao thông rộng là 8,51m; Phía Tây Bắc giáp đất hộ ông Hoàng Văn Tuấn rộng là 7,99m; phía Đông Bắc giáp đường giao thông có chiều dài 25,18m; phía Tây Nam giáp đất của ông Nguyễn Xuân L dài 23,69m. Tổng trị giá tài sản chung Lê Thị Ng được hưởng là 854.500.000đ (Tám trăm năm tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Xuân L được quyền sử dụng 150m^2 đất trong đó gồm 100m^2 đất ở và 50m^2 đất vườn, phần đất của ông L có tứ cạnh như sau: phía Đông Nam giáp đường giao thông rộng là 7,89m; Phía Tây Bắc giáp đất hộ ông Hoàng Văn Tuấn rộng là 5,5m; phía Tây Nam giáp đất hộ ông Nguyễn Duy Sỹ có chiều dài 7,02m + 10,08m +5,31m; phía Đông Bắc giáp đất của bà Lê Thị Ng có chiều dài 23,69m. Tổng giá trị tài sản chung ông Nguyễn Xuân L hưởng là 852.250.000đ (Tám trăm năm hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Về chênh lệch giá trị tài sản ông L không yêu cầu bà Nga phải trả lại.

Đối với 01 nhà cấp 4 và nhà bếp lợp tôn cùng công trình phụ trên phần đất của hai bên, bà Nga ông L thống nhất hai bên tự tháo dỡ trên phần đất được chia, các bên thỏa thuận không tính giá trị. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Các bên được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

- Về án phí: Bà Lê Thị Ng và Ông Nguyễn Xuân L thỏa thuận, Bà Lê Thị Ng chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và 18.817.500đ (Mười tám triệu tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bà Nga phải chịu 18.967.500đ (Mười tám triệu chín trăm sáu bảy nghìn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Lê Thị Ng đã nộp là 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* theo biên lai số 0001466 ngày 13 tháng 10 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thanh Hoá.

Trả lại bà Lê Thị Ng 11.032.500đ *(Mười một triệu không trăm ba hai nghìn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Xuân L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 18.784.000đ *(Mười tám triệu bảy trăm tám tư nghìn đồng)* (con số đã được làm tròn) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng ông Nguyễn Xuân L phải chịu 18.934.000đ (Mười tám triệu chín trăm ba tư nghìn đồng).

- Về lệ phí xem xét thẩm định tài sản, chi phí đo đạc bà Lê Thị Ng tự nguyện chịu là 3.113.900đ (Ba triệu một trăm mười ba nghìn chín trăm đồng) (bà Lê Thị Ng đã nộp đủ số tiền lệ phí xem xét thẩm định và đo đạc). Đối với chi phí định giá bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Xuân L thỏa thuận mỗi bên chịu ½ số tiền chi phí định giá và không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKS huyện khu vực 3.
- UBND xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THA DS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Lê Thị Thu